

Phụ lục IV

BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG TAM THẮNG

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2025/NQ-HĐND ngày tháng năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT Ở	GIÁ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (5) X 60%	(7) = (5) X 50%
1	BÌNH GIÃ	LÊ HỒNG PHONG	ĐƯỜNG 2/9	46.880	28.128	23.440
2	CAO THẮNG	TRỌN ĐƯỜNG		46.880	28.128	23.440
3	CHU MẠNH TRINH	TRỌN ĐƯỜNG		44.400	26.640	22.200
4	ĐƯỜNG 2 THÁNG 9 (TÊN CŨ: ĐOẠN CUỐI QUỐC LỘ 51B)	NGUYỄN AN NINH	BÙI THIỆN NGỘ	65.370	39.222	32.685
6	ĐỘI CÂN (P.8)	TRỌN ĐƯỜNG		46.880	28.128	23.440
7	ĐƯỜNG 3/2	VÒNG XOAY ĐÀI LIỆT SỸ	NGUYỄN AN NINH	65.370	39.222	32.685
8	ĐƯỜNG 3/2	NGUYỄN AN NINH	VÒNG XOAY ĐƯỜNG 3/2 VÀ TRỤC ĐƯỜNG 51B	32.254	19.352	16.127
9	ĐƯỜNG 30/4	NGUYỄN AN NINH	LÊ QUANG ĐỊNH	38.573	23.144	19.287
10	HÀN MẶC TỬ (P.7)	TRỌN ĐƯỜNG		45.140	27.084	22.570
11	HOÀNG VĂN THỤ (P.7)	TRỌN ĐƯỜNG		56.450	33.870	28.225
12	HUYỀN TRẦN CÔNG CHÚA	TRỌN ĐƯỜNG		56.450	33.870	28.225
13	KHA VẠNG CÂN (P.7)	TRỌN ĐƯỜNG		45.140	27.084	22.570
14	LÊ HỒNG PHONG	LÊ LỢI	THUYỀN VÂN	65.370	39.222	32.685

Phụ lục IV

BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG TAM THẮNG

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2025/NQ-HĐND ngày tháng năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT Ở	GIÁ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (5) X 60%	(7) = (5) X 50%
15	LÊ PHỤNG HIỂU	TRỌN ĐƯỜNG		44.400	26.640	22.200
16	LÊ QUANG ĐỊNH	ĐƯỜNG 30/4	BÌNH GIÃ	33.010		
17	LÊ THỊ RIÊNG	TRỌN ĐƯỜNG		27.220		
18	LÊ VĂN LỘC	ĐƯỜNG 30/4	LÊ THỊ RIÊNG	36.310	21.786	18.155
19	LÊ VĂN LỘC	LÊ THỊ RIÊNG	BỜ KÈ RẠCH BẾN ĐÌNH	28.380	17.028	14.190
20	LÊ LỢI	LÊ HỒNG PHONG	NGUYỄN AN NINH	59.010		
21	LƯƠNG THẾ VINH	TRƯỜNG CÔNG ĐỊNH	ĐƯỜNG 30/4	46.880	28.128	23.440
22	HÈM 30 LƯƠNG THẾ VINH (P9)			45.140	27.084	22.570
23	NGÔ ĐỨC KẾ	NGUYỄN AN NINH	CAO THẮNG	57.900	34.740	28.950
24	NGÔ ĐỨC KẾ	CAO THẮNG	PASTEUR	44.400	26.640	22.200
25	NGÔ ĐỨC KẾ	ĐOẠN CÒN LẠI		28.380	17.028	14.190
26	NGUYỄN AN NINH	TRỌN ĐƯỜNG		65.370	39.222	32.685
27	HÈM SỐ 1 NGUYỄN AN NINH	TRỌN ĐƯỜNG		32.050		
28	NGUYỄN HỐI (P.8)	TRỌN ĐƯỜNG		46.630	27.978	23.315
29	NGUYỄN LƯƠNG BẰNG	NGUYỄN AN NINH	LƯƠNG THẾ VINH	46.630	27.978	23.315
30	NGUYỄN LƯƠNG BẰNG	LƯƠNG THẾ VINH	LÝ THÁI TÔNG	44.180	26.508	22.090

Phụ lục IV

BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG TAM THẮNG

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2025/NQ-HĐND ngày tháng năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT Ở	GIÁ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (5) X 60%	(7) = (5) X 50%
31	HẸM 02, 04, 36, 50 NGUYỄN LƯƠNG BẰNG (P9)			44.180	26.508	22.090
32	NGUYỄN THÁI BÌNH	TRỌN ĐƯỜNG		44.180	26.508	22.090
33	NGUYỄN THÁI HỌC (P.7)	TRỌN ĐƯỜNG		65.370	39.222	32.685
34	NGUYỄN TRI PHƯƠNG	NGÔ ĐỨC KẾ	TRƯỜNG CÔNG ĐỊNH	65.370	39.222	32.685
35	NGUYỄN TRUNG TRỰC	TRỌN ĐƯỜNG		44.180	26.508	22.090
36	NGUYỄN VĂN CỪ	NGUYỄN AN NINH	LƯƠNG THẾ VINH	46.630	27.978	23.315
37	NGUYỄN VĂN CỪ	LƯƠNG THẾ VINH	LÝ THÁI TÔNG	35.970	21.582	17.985
38	ÔNG ÍCH KHIÊM	LÊ VĂN LỘC	HỒ BIÊU CHÁNH	35.970	21.582	17.985
39	PASTEUR	TRỌN ĐƯỜNG		46.630	27.978	23.315
40	PHẠM HỒNG THÁI	TRỌN ĐƯỜNG		46.630	27.978	23.315
41	HẸM SỐ 110 PHẠM HỒNG THÁI	PHẠM HỒNG THÁI	NGÔ ĐỨC KẾ	46.630	27.978	23.315
42	PHẠM NGỌC THẠCH	TRỌN ĐƯỜNG		46.630	27.978	23.315
43	HẸM 04, 36, 50, 43, 61 ĐƯỜNG PHẠM NGỌC THẠCH (P9)			35.970	21.582	17.985
44	PHAN KẾ BÌNH	TRỌN ĐƯỜNG		44.180	26.508	22.090

Phụ lục IV

BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG TAM THẮNG

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2025/NQ-HĐND ngày tháng năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT Ở	GIÁ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (5) X 60%	(7) = (5) X 50%
45	SƯƠNG NGUYỆT ÁNH	TRỌN ĐƯỜNG		35.970	21.582	17.985
46	TĂNG BẠT HỒ	TRỌN ĐƯỜNG		27.220	16.332	13.610
47	THÙY VÂN	NGUYỄN AN NINH	THI SÁCH	149.480	89.688	74.740
48	THI SÁCH	TRỌN ĐƯỜNG		65.370	39.222	32.685
49	TÔN THẤT THUYẾT (NỐI DÀI)	LÊ VĂN LỘC	LƯƠNG VĂN NHO	27.220	16.332	13.610
50	TÔN THẤT TÙNG	TRỌN ĐƯỜNG		46.630	27.978	23.315
51	TỔNG DUY TÂN (P.9)	LƯƠNG THẾ VINH	NGUYỄN TRUNG TRỰC	27.220	16.332	13.610
52	TRẦN BÌNH TRỌNG	TRỌN ĐƯỜNG		35.970	21.582	17.985
53	TRẦN CAO VÂN	LÊ VĂN LỘC	VÕ TRƯỜNG TOẢN	35.970	21.582	17.985
54	TRẦN CAO VÂN	VÕ TRƯỜNG TOẢN	NGUYỄN ĐỨC CẢNH	27.220	16.332	13.610
55	TRỊNH HOÀI ĐỨC (P.7)	TRỌN ĐƯỜNG		47.380	28.428	23.690
56	TRƯƠNG CÔNG ĐỊNH	NGÃ 5	NGUYỄN AN NINH	62.640	37.584	31.320
57	TRƯƠNG CÔNG ĐỊNH	ĐOẠN CÒN LẠI		47.380	28.428	23.690
58	TRƯƠNG VĂN BANG (P.7)	TRỌN ĐƯỜNG		65.370	39.222	32.685
59	YERSIN	TRỌN ĐƯỜNG		46.630	27.978	23.315

Phụ lục IV

BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG TAM THẮNG

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2025/NQ-HĐND ngày tháng năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT Ở	GIÁ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (5) X 60%	(7) = (5) X 50%
60	HẸM 05 LÊ HỒNG PHONG NỐI DÀI (THUỘC ĐƯỜNG NỘI BỘ GIỮA KHU BIỆT THỰ KIM MINH VÀ KHU BIỆT THỰ KIM NGÂN)			46.320	27.792	23.160
61	NGUYỄN TUÂN			27.290	16.374	13.645
	NGUYỄN VIỆT XUÂN	283 BÌNH GIÃ	NGUYỄN TRỌNG QUẢN	27.290	16.374	13.645
62	THẠCH LAM			27.290	16.374	13.645
63	TÀO MẠT			27.290	16.374	13.645
64	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG THUỘC KHU VỰC DÂN CƯ PHƯỜNG 9:					
65	LÝ THÁI TÔNG	TRƯƠNG CÔNG ĐỊNH	LƯƠNG THẾ VINH	35.970	21.582	17.985
66	NGUYỄN ĐỨC THUẬN	LƯƠNG THẾ VINH	LÝ THÁI TÔNG	35.970	21.582	17.985
67	NGUYỄN KHANG	LƯƠNG THẾ VINH	LÝ THÁI TÔNG	35.970	21.582	17.985
68	VÕ TRƯỜNG TOẢN	ĐƯỜNG 30/4	TRẦN CAO VÂN	46.630	27.978	23.315
69	VÕ TRƯỜNG TOẢN	TRẦN CAO VÂN	TÔN ĐỨC THẮNG	35.970	21.582	17.985

Phụ lục IV

BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG TAM THẮNG

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2025/NQ-HĐND ngày tháng năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT Ở	GIÁ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (5) X 60%	(7) = (5) X 50%
70	NHỮNG TUYẾN ĐƯỜNG TRONG KHU TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI PHƯỜNG 7:					
71	BẾ VĂN ĐÀN	NGUYỄN THÁI HỌC	NGÔ ĐỨC KẾ	46.630	27.978	23.315
72	NGUYỄN KIỆM	TRƯỜNG VĂN BANG	NGÔ ĐỨC KẾ	46.630	27.978	23.315
73	NGUYỄN OANH	PHÙNG CHÍ KIÊN	NGUYỄN KIỆM	46.630	27.978	23.315
74	PHÙNG CHÍ KIÊN	NGUYỄN THÁI HỌC	NGÔ ĐỨC KẾ	46.630	27.978	23.315
75	XUÂN DIỆU	NGUYỄN THÁI HỌC	NGÔ ĐỨC KẾ	46.630	27.978	23.315
76	XUÂN THỦY	CAO THẮNG	PASTEUR	46.630	27.978	23.315
77	NHỮNG TUYẾN ĐƯỜNG NỘI BỘ THUỘC KHU BIỆT THỰ PHƯỜNG NAM:					
78	DƯƠNG MINH CHÂU	KDC BINH ĐOÀN 15	HUỲNH TỊNH CỬA	27.220	16.332	13.610
79	HOÀNG TRUNG THÔNG	MẠC THANH ĐẠM	HUỲNH TỊNH CỬA	27.220	16.332	13.610
80	TÔ NGỌC VÂN	HOÀNG LÊ KHA	HOÀNG TRUNG THÔNG	27.220	16.332	13.610
81	HOÀNG LÊ KHA	BÙI CÔNG MINH	HOÀNG TRUNG THÔNG	27.220	16.332	13.610
82	MẠC THANH ĐẠM (P.8)	THUYỀN VÂN	DƯƠNG MINH CHÂU	47.380	28.428	23.690

Phụ lục IV

BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG TAM THẮNG

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2025/NQ-HĐND ngày tháng năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT Ở	GIÁ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (5) X 60%	(7) = (5) X 50%
83	NGUYỄN HỮU TIẾN (P.8)	NGUYỄN AN NINH	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU BIỆT THỰ PHƯƠNG NAM	34.310	20.586	17.155
84	ĐƯỜNG SỐ 10 (P.8)	ĐƯỜNG MẠC THANH ĐẠM NỐI DÀI	ĐOẠN ĐÃ HOÀN THIỆN CƠ SỞ HẠ TẦNG	27.220	16.332	13.610
85	MẠC CỬU (P.8 CŨ)			27.220	16.332	13.610
86	TRẦN THƯỢNG XUYỀN (P.8 CŨ)			27.220	16.332	13.610
87	NGÔ NHÂN TỊNH			27.220	16.332	13.610
88	NHỮNG TUYẾN ĐƯỜNG NỐI VUÔNG GÓC ĐƯỜNG 30/4 KHU BẾN ĐÌNH					
89	ĐOẠN NỐI TỪ ĐƯỜNG 30/4 ĐẾN HẾT ĐƯỜNG BỜ KÈ RẠCH BẾN ĐÌNH	ĐOẠN ĐÃ TRẢI NHỰA RỘNG 7 M NẪM TRONG DỰ ÁN NHÀ Ở CỦA CÔNG TY TECAPRO		32.254	19.352	16.127

Phụ lục IV

BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG TAM THẮNG

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2025/NQ-HĐND ngày tháng năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT Ở	GIÁ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (5) X 60%	(7) = (5) X 50%
90	ĐOẠN NỐI TỪ ĐƯỜNG 30/4 ĐẾN HẾT ĐƯỜNG BỜ KÈ RẠCH BẾN ĐÌNH	ĐOẠN TRẢI NHỰA NỐI TỪ ĐƯỜNG 30/4 ĐẾN ĐƯỜNG TRẦN CAO VÂN (PHÍA TRƯỚC UBND PHƯỜNG 9)		32.254	19.352	16.127
91	ĐƯỜNG NỐI TỪ ĐƯỜNG 30/4 ĐẾN HẾT ĐƯỜNG BỜ KÈ RẠCH BẾN ĐÌNH (ĐI QUA PHẦN ĐẤT CỦA DỰ ÁN NHÀ Ở ĐẠI AN)			32.254	19.352	16.127
92	ĐƯỜNG NỐI TỪ ĐƯỜNG 30/4 ĐẾN HẾT ĐƯỜNG BỜ KÈ RẠCH BẾN ĐÌNH (BÊN CẠNH CÔNG TY XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ BÌNH)			32.254	19.352	16.127
93	NHỮNG TUYẾN ĐƯỜNG THUỘC KHU 240 LÊ LỢI, PHƯỜNG 7, THÀNH PHỐ VŨNG TÀU					

Phụ lục IV

BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG TAM THẮNG

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2025/NQ-HĐND ngày tháng năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT Ở	GIÁ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (5) X 60%	(7) = (5) X 50%
94	TRẦN HUY LIỆU	TRỌN ĐƯỜNG		32.254	19.352	16.127
95	TRẦN KHÁNH DƯ	TRỌN ĐƯỜNG		32.254	19.352	16.127
96	TRẦN KHẮC CHUNG	TRỌN ĐƯỜNG		32.254	19.352	16.127
97	HẸM SỐ 01, 04 TRẦN KHẮC CHUNG			28.380	17.028	14.190
98	HẸM SỐ 03, 05 TRẦN KHẮC CHUNG			28.380	17.028	14.190
99	CON ĐƯỜNG HÌNH CHỮ U (PHẦN KÉO DÀI CỦA ĐƯỜNG TRẦN KHÁNH DƯ CÓ 2 NHÁNH NỐI VUÔNG GÓC VỚI ĐƯỜNG TRẦN HUY LIỆU)			32.254	19.352	16.127
100	NHỮNG TUYẾN ĐƯỜNG KHU TÁI ĐỊNH CƯ TRẦN BÌNH TRỌNG (P. NGUYỄN AN NINH):					
101	LÊ TRỌNG TẤN	TRẦN BÌNH TRỌNG	MAI XUÂN THUỞNG	27.220	16.332	13.610
102	MAI XUÂN THUỞNG	NGUYỄN AN NINH	TRẦN BÌNH TRỌNG	27.220	16.332	13.610

Phụ lục IV

BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG TAM THẮNG

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2025/NQ-HĐND ngày tháng năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT Ở	GIÁ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (5) X 60%	(7) = (5) X 50%
104	NGUYỄN THỊ MINH KHAI	TRỌN ĐƯỜNG		45.060	27.036	22.530
105	HOÀNG VĂN THÁI (P.NAN)	LÊ TRỌNG TẤN	MAI XUÂN THƯỜNG	27.220	16.332	13.610
106	NHỮNG TUYẾN ĐƯỜNG NỘI BỘ THUỘC CÁC DỰ ÁN KHU TÁI ĐỊNH CƯ BẾN ĐÌNH, KHU NHÀ Ở SAO MAI, TECAPRO, DECOIMEX, ĐẠI AN:					
107	ĐƯỜNG BỜ KÈ RẠCH BẾN ĐÌNH	DỰ ÁN NHÀ Ở ĐẠI AN	HẾT PHẦN ĐẤT GIAO CÔNG TY PHÁT TRIỂN NHÀ	34.310	20.586	17.155
108	ĐƯỜNG BẾN ĐÌNH 1, 2, 4, 6, 8 THEO QUY HOẠCH (BỔ SUNG)	TRỌN ĐƯỜNG (ĐƯỜNG RẢI NHỰA CÓ LÒNG ĐƯỜNG VÀ VỈA HÈ RỘNG 10M)		34.310	20.586	17.155
109	ĐƯỜNG BẾN ĐÌNH 3 VÀ ĐƯỜNG BẾN ĐÌNH 7	TRỌN ĐƯỜNG (ĐƯỜNG RẢI NHỰA CÓ LÒNG ĐƯỜNG VÀ VỈA HÈ RỘNG 10M)		27.220	16.332	13.610

Phụ lục IV

BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG TAM THẮNG

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2025/NQ-HĐND ngày tháng năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT Ở	GIÁ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (5) X 60%	(7) = (5) X 50%
110	LƯƠNG VĂN NHO	ĐƯỜNG 30/4	TÔN ĐỨC THẮNG	34.310	20.586	17.155
111	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	ĐƯỜNG 30/4	TÔN ĐỨC THẮNG	34.310	20.586	17.155
112	TỔ HỮU	ĐƯỜNG 30/4	ÔNG ÍCH KHIÊM	34.310	20.586	17.155
113	NGÔ TẤT TỐ	VÕ TRƯỜNG TOÀN	LƯƠNG VĂN NHO	27.220	16.332	13.610
114	NGÔ GIA TỰ	NGÔ TẤT TỐ	ÔNG ÍCH KHIÊM	27.220	16.332	13.610
115	NGUYỄN BÌNH	NGUYỄN TRUNG TRỰC	NGÔ GIA TỰ	27.220	16.332	13.610
116	NGUYỄN THỊ THẬP	LƯƠNG VĂN NHO	HẸM GIỮA 2 ĐƯỜNG ÔNG ÍCH KHIÊM VÀ TRẦN QUANG DIỆU	27.220	16.332	13.610
117	TRẦN QUANG DIỆU (P.9, P.THẮNG NHÌ)	LÊ VĂN LỘC	BẾN ĐÌNH 2	34.310	20.586	17.155
118	TÔN ĐỨC THẮNG	LÊ VĂN LỘC	ĐƯỜNG QH 100M VÀO CẢNG SAO MAI BẾN ĐÌNH	34.310	20.586	17.155
119	HỒ BIỂU CHÁNH	ĐƯỜNG 30/4	TRẦN CAO VÂN	34.310	20.586	17.155
120	NGUYỄN THÔNG	TỔ HỮU	ĐƯỜNG QH 100M VÀO CẢNG SAO MAI BẾN ĐÌNH	27.220	16.332	13.610
121	HÀM NGHI	TỔ HỮU	NGUYỄN ĐỨC CẢNH	27.220	16.332	13.610

Phụ lục IV

BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG TAM THẮNG

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2025/NQ-HĐND ngày tháng năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT Ở	GIÁ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (5) X 60%	(7) = (5) X 50%
122	NGUYỄN ĐỨC CẢNH	TRỌN ĐƯỜNG		27.220	16.332	13.610
123	NGUYỄN PHI KHANH	ĐƯỜNG 30/4	NGUYỄN THÔNG	34.310	20.586	17.155
124	NGUYỄN BÁ LÂN	LÊ VĂN LỘC	LƯƠNG VĂN NHO	27.220	16.332	13.610
125	HOÀNG MINH GIÁM	LÊ VĂN LỘC	LƯƠNG VĂN NHO	27.220	16.332	13.610
126	NHỮNG TUYẾN ĐƯỜNG THUỘC KHU TRUNG TÂM CHÍ LINH					
127	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG THUỘC KHU E2, E4 TRUNG TÂM CHÍ LINH THEO BẢN ĐỒ ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH PHÂN LÔ SỐ CHL/QH-03/C	NHỮNG TUYẾN ĐƯỜNG CÓ LÒNG ĐƯỜNG TRẢI NHỰA RỘNG 10,5M		33.010	19.806	16.505
128	-CÙ CHÍNH LAN	ĐƯỜNG 3/2	ĐƯỜNG 2/9	26.040	15.624	13.020
129	-NGUYỄN PHÚC TẦN	CHÍ LINH	MẪU SƠN	26.040	15.624	13.020
130	-THANH TỊNH	NGUYỄN CÔNG HOAN	MẪU SƠN	26.040	15.624	13.020
131	-TRẦN ĐẠI NGHĨA	NGUYỄN HỮU CẢNH	MẪU SƠN	26.040	15.624	13.020
132	NGUYỄN VIỆT XUÂN	LÊ PHỤNG HIỆU	NGUYỄN TRỌNG QUẢN	26.830		

Phụ lục IV

BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG TAM THẮNG

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2025/NQ-HĐND ngày tháng năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT Ở	GIÁ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH
		TỪ (ĐIỂM ĐẦU)	ĐẾN (ĐIỂM CUỐI)			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (5) X 60%	(7) = (5) X 50%
133	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG THUỘC KHU NHÀ Ở ĐÔI NGỌC TƯỚC 2 (PHƯỜNG 8 CŨ):					
134	BÙI CÔNG MINH	THI SÁCH	ĐƯỜNG 3/2	34.310	20.586	17.155
135	TRẦN VĂN THỜI (GIÁP TRƯỜNG THPT VŨNG TÀU)			34.310	20.586	17.155
136	ĐẶNG TRẦN ĐỨC (GIÁP SỔ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CŨ)			34.310	20.586	17.155